

LÝ LỊCH KHOA HỌC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Bùi Tá Long

2. **Ngày sinh:** 12/4/1962

3. **Nam/Nữ:** Nam

4. **Nơi đang công tác:**

Trường/Viện: Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

Phòng/Khoa: Khoa Môi trường và Tài nguyên

Bộ môn: Phòng thí nghiệm Mô hình hóa môi trường

Chức vụ: Phó Trưởng phòng thí nghiệm trực thuộc khoa

5. **Học vị:** , năm đạt: 1998

6. **Học hàm:** Phó giáo sư, năm đạt: 2009

7. **Liên lạc:**

<i>TT</i>		<i>Cơ quan</i>	<i>Cá nhân</i>
1	Địa chỉ	268 Lý Thường Kiệt - P.14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	212/106 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
2	Điện thoại/fax		0918017376
3	Email	longbt62@hcmut.edu.vn	longbt62@hcmut.edu.vn

8. **Trình độ ngoại ngữ:**

<i>TT</i>	<i>Tên ngoại ngữ</i>	<i>Nghe</i>	<i>Nói</i>	<i>Viết</i>	<i>Đọc hiểu tài liệu</i>
1	Tiếng Anh	Khá	Tốt	Khá	Tốt
2	Tiếng Nga	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

9. **Thời gian công tác:**

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
1998 – 2002	Viện cơ học ứng dụng	Viện trưởng
2002 – 2005	Viện Cơ Học Ứng Dụng	
2013 – 2014	Khoa Môi Trường	

2006 – 2013	Viện Môi trường và Tài nguyên	Trưởng phòng
1997 – 2003	Viện Cơ học Ứng dụng	Trưởng phòng
1992 – 1997	Viện cơ học ứng dụng	
1989 – 1992	Viện cơ học ứng dụng	

10. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1980 – 1985	Tổng hợp Matxcova, Liên Xô	Toán cơ	Về một hằng số trong định lý nhúng Sobolev
Thạc sĩ	1989 – 1989	Tổng hợp Matxcova, Liên Xô	Toán cơ	Ứng dụng giải tích hàm vào một số bài toán ổn định
Tiến sĩ	1997 – 1998	Viện kĩ thuật vô tuyến và điện tử, Viện Hàn Lâm khoa học Nga	Tin học Môi Trường	Tự động hóa xử lý số liệu quan trắc địa vật lý trên lãnh thổ Việt Nam

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

1.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Khoa học kỹ thuật và công nghệ (2)
- Khoa học tự nhiên (1)
- Khoa học y, dược (3)
- Khoa học nông nghiệp (4)
- Khoa học xã hội (5)
- Khoa học nhân văn (6)
- **Chuyên môn:** Khoa học toán -Lý

1.2 Hướng nghiên cứu:

2. Quá trình nghiên cứu

<i>TT</i>	<i>Tên đề tài/dự án</i>	<i>Mã số & cấp quản lý</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Kinh phí</i>	<i>Chủ nhiệm</i>	<i>Ngày nghiệm thu</i>	<i>Kết quả</i>
-----------	-------------------------	--------------------------------	----------------------------	-----------------	------------------	------------------------	----------------

Mẫu LLKH của Trường Đại học Bách Khoa

				(triệu đồng)	<i>/tham gia</i>		
1	Phát triển công nghệ sinh học màng quang hoá kết hợp hệ vi tảo - vi khuẩn cộng hợp xử lý nước thải	NCM2021-20-01 / Nhóm NCM	2/2021 – 2/2026		Tham gia		
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán phát thải khí từ các bãi chôn lấp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	B2019-20b-01 / ĐHQG loại B	6/2019 – 6/2021		Chủ nhiệm		
3	Mua sắm phần mềm Quản lý môi trường thị xã Điện Bàn	/	1/2015 – 1/2015	430	Chủ nhiệm	12/2015	Tốt
4	Điều tra, phân tích, nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin tài nguyên-môi trường nước sông Mê Công, áp dụng thử nghiệm cho vùng Đồng Tháp Mười thuộc Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam	/	1/2015 – 1/2015	870	Chủ nhiệm	12/2015	Tốt
5	Nghiên cứu cơ sở khoa học, công nghệ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu	38/2014/HĐ-KHCN-BĐKH/11-1 /	1/2014 – 1/2015	2089	Chủ nhiệm		Tốt
6	Nghiên cứu xây dựng khung CSDL và phần mềm lưu	/	1/2014 – 1/2015	4615 32	Chủ nhiệm		Tốt

	trữ hồ sơ, chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu tài nguyên nước và môi trường trên phạm vi vùng kinh tế trọng điểm. Áp dụng thử nghiệm cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam						
7	Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn thành phố Vinh. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước lưu vực tiếp nhận	/	1/2013 – 1/2014		Chủ nhiệm		
8	Ứng dụng công nghệ Webgis xây dựng hệ thống tra cứu và quảng bá du lịch sinh thái tỉnh Tây Ninh	/	1/2013 – 1/2014		Chủ nhiệm		
9	Đánh giá, dự báo tác động ô nhiễm môi trường do bụi tại khu vực khai thác đá tập trung tại xã Thường Tân, Tân Mỹ và đề xuất giải pháp quản lý	/	1/2012 – 1/2014		Chủ nhiệm		
10	Điều tra, phân tích, nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin tài nguyên-môi trường nước sông Mê Công, áp dụng thử nghiệm cho vùng Tứ giác Long	/	1/2014 – 1/2014	750	Chủ nhiệm		Tốt

	Xuyên thuộc Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam						
11	Nghiên cứu xác định một số qui luật tự làm sạch của hệ thống kênh sông đô thị trên ví dụ sông Sài Gòn.	/	1/2011 – 1/2012	0	Chủ nhiệm		
12	Xây dựng mô hình quản lý phát thải môi trường không khí khu công nghiệp trên nền tảng công nghệ WebGIS (TISAP).	/	1/2010 – 1/2011		Chủ nhiệm		
13	Xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp số liệu quan trắc chất lượng nước mặt lưu vực hệ thống sông Đồng Nai dựa trên công nghệ Web GIS (WINS)	/	1/2009 – 1/2010		Chủ nhiệm		
14	Xây dựng công cụ tin học trợ giúp công tác quản lý môi trường cho quận huyện Tp. Hồ Chí Minh – trường hợp cụ thể là quận Thủ Đức và quận 12	/	1/2008 – 1/2009		Chủ nhiệm		
15	Nghiên cứu ứng dụng công cụ e-manifest, e-card trong quản lý chất thải nguy hại tại thành phố Hồ Chí Minh.	/	1/2008 – 1/2009		Chủ nhiệm		

16	Nghiên cứu ứng dụng công cụ e-manifest, e-card trong quản lý chất thải nguy hại tại thành phố Hồ Chí Minh.	/	1/2008 – 1/2009		Chủ nhiệm		
17	Nghiên cứu xây dựng công cụ tin học phục vụ quản lý nhà nước về môi trường cho khu công nghiệp tập trung – trường hợp cụ thể là Khu công nghiệp Lê Minh Xuân	/	1/2007 – 1/2008		Chủ nhiệm		
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trợ giúp công tác quản lý ô nhiễm môi trường tỉnh Quảng Ngãi	/	1/2006 – 1/2007		Chủ nhiệm		
19	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý số liệu chất thải rắn đô thị TP.HCM	/	1/2006 – 1/2007		Chủ nhiệm		
20	Xây dựng phần mềm ứng dụng GIS quản lý tổng hợp các điểm ngập, hệ thống thoát nước và chất lượng nước bùn kênh rạch TpHCM (TOWN). 2005 - 2006	/	1/2005 – 1/2006		Chủ nhiệm		
21	Xây dựng công cụ tích hợp GIS với các dữ liệu phân bố dịch bệnh và mô hình dự báo dịch	/	1/2002 – 1/2005		Chủ nhiệm		

	(phần mềm MCAD)						
22	Nghiên cứu xây dựng và hoàn chỉnh mô hình chất lượng nước để mô phỏng và dự báo lan truyền và phát tán các chất độc hại trong môi trường nước vùng hạ lưu hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai	/	1/2002 – 1/2003		Chủ nhiệm		
23	Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán kết hợp GIS để mô phỏng và dự báo xu thế biến đổi môi trường không khí tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (đề tài nhánh).	/	1/2002 – 1/2003		Chủ nhiệm		
24	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS vào công tác quản lý chất lượng môi trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, 2000-2002	/	1/2001 – 1/2003		Chủ nhiệm		
25	Nghiên cứu xây dựng phần mềm hỗ trợ quản lý môi trường nước mặt và không khí tại tỉnh An Giang	/	1/2001 – 1/2003		Chủ nhiệm		
26	Đánh giá ảnh hưởng hoạt động ống khói của Nhà máy sản xuất Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất bằng	HĐDV/DC SELAB/2018 /	1/2018 –	124	Chủ nhiệm		

	mô hình AERMOD						
27	Ứng dụng phần mềm Mike 11 mô phỏng chất lượng nước hệ thống kênh rạch, sông suối ở Nam Bình Dương	04/HĐDV/DCSELAB/2018 /	1/2018 –	80	Chủ nhiệm		
28	Tổ chức khóa đào tạo, chuyển giao và ứng dụng phần mềm tính toán để đánh giá, xác định phạm vi, mức độ ảnh hưởng các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí và nước	06/HĐ-CCBVM2018 /	1/2018 –	100	Chủ nhiệm		
29	Mô hình hóa ô nhiễm không khí do bụi tổng số (TSP), SO ₂ , NO ₂ , do thay đổi các thông số kỹ thuật hệ thống các ống khói Khu Liên Hợp Thép FHS	/	1/2014 –		Chủ nhiệm		
30	Mua sắm phần mềm quản lý Môi trường tỉnh Cà Mau	/	1/2014 –		Chủ nhiệm		
31	Xây dựng CSDL và phần mềm lưu trữ hồ sơ và chia sẻ thông tin quản lý môi trường tỉnh Phú Yên	/	1/2014 –		Chủ nhiệm		

3. Đã và đang hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

<i>TT</i>	<i>Tên SV, HVCH, NCS</i>	<i>Tên luận án</i>	<i>Năm tốt nghiệp</i>	<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>
-----------	--------------------------	--------------------	-----------------------	--------------------	----------------------------------

1	Trần Xuân Hùng	Ứng dụng phương pháp phần tử hữu hạn giải bài toán lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường không khí	2007	Thạc sĩ	
2	Trần Mạnh Tường	Một số cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình lan truyền chất trong môi trường không khí	2007	Thạc sĩ	
3	Phạm Ngọc Dũng	Ứng dụng phương pháp phần tử hữu hạn giải bài toán lan truyền chất trên kênh sông	2008	Thạc sĩ	
4	Trịnh Ngọc Quỳnh	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp mô hình giám sát ô nhiễm nước sông Vàm Cỏ phục vụ công tác quản lý môi trường huyện Cần Đước – tỉnh Long An.	2008	Thạc sĩ	
5	Nguyễn Xuân Minh	Xây dựng phương pháp phát hiện nguồn gây ô nhiễm trong bài toán mô hình hoá nhiễm bản không khí	2009	Thạc sĩ	
6	Trần Thị Thanh Xuân	Ứng dụng GIS và mô hình tính toán đánh giá chất lượng không khí do hoạt động công nghiệp tại lưu vực sông Thị Vải.	2009	Thạc sĩ	
7	Phạm Thanh Bình	Ứng dụng lý thuyết tối ưu giám sát ô nhiễm nước kênh sông	2011	Thạc sĩ	
8	Trần Ngọc Hiếu	Giải bài toán lan truyền trên kênh sông trong trường hợp hai chiều	2011	Thạc sĩ	
9	Lưu Thị Phương Hoa	Ứng dụng mô hình Berliand và GIS để đánh giá, dự báo chất lượng không khí KCN Phú Mỹ 1.	2011	Thạc sĩ	

10	Nguyễn Đại Bình	Nghiên cứu một số phương trình toán trong mô hình biến đổi khí hậu	2011	Thạc sĩ	
11	Trương Thị Diệu Hiền	Nghiên cứu ứng dụng công cụ E-manifest, E-card, trong quản lý chất thải nguy hại – xét trên ví dụ Tp. Đà Nẵng	2011	Thạc sĩ	
12	Trần Quốc Tuấn	Xây dựng công cụ toán - tin đánh giá sự lan truyền chất theo mô hình hai chiều.	2013	Thạc sĩ	
13	Huỳnh Thị Thanh Diệp	Ứng dụng GIS trong đánh giá chỉ số chất lượng môi trường đô thị (UEQI) tại TPHCM	2013	Thạc sĩ	
14	Bùi Đức Chi	Ứng dụng phương pháp thể tích hữu hạn	2013	Thạc sĩ	
15	Hà Thị Ly Na	Áp dụng chỉ số chất lượng nước đánh giá biến động chất lượng nước sông Bồ, tỉnh Thừa Thiên Huế	2013	Thạc sĩ	
16	Nguyễn Trung Thảo	Nghiên cứu đề xuất hệ thống thông tin quản lý môi trường công nghiệp áp dụng cho tỉnh Tiền Giang	2013	Thạc sĩ	
17	Thân Thị Ánh Diệp	Áp dụng chỉ số chất lượng nước (WQI) đánh giá chất lượng nước một số sông chính ở tỉnh Quảng Ngãi	2013	Thạc sĩ	
18	Nguyễn Thị Lan Chi	Đánh giá mức độ phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi theo chỉ số an ninh sinh kế	2013	Thạc sĩ	
19	Mã Thị Kim Phượng	Đánh giá ảnh hưởng của các đập thủy điện lên dòng chảy của sông Srê pôk-tỉnh Đắk Lắk	2014	Thạc sĩ	
20	Nguyễn Thanh Sơn	Ứng dụng GIS và phần mềm Mike để đánh giá hiện trạng và dự báo chất lượng nước lưu vực sông	2014	Thạc sĩ	

		Đế Võng, Cổ Cò, thuộc thành phố Hội An			
21	Đinh Thị Cẩm Chi	Nghiên cứu xác định mức độ, phạm vi ô nhiễm môi trường của hoạt động chăn nuôi heo trên địa bàn huyện Bình Chánh, TP.HCM	2014	Thạc sĩ	
22	Nguyễn Trung Đức	Xây dựng công cụ tin học hỗ trợ tính toán dòng chảy trên kênh sông	2014	Thạc sĩ	
23	Cù Xuân Thành	ứng dụng lý thuyết trò chơi giải quyết xung đột về môi trường	2014	Thạc sĩ	
24	Mai Huỳnh Phương Thanh	Đánh giá hiện trạng môi trường và tài nguyên nước tỉnh An Giang	2014	Đại học	
25	Lê Nhật Thành	Đánh giá khả năng chịu tải và đề xuất giải pháp bảo vệ chất lượng nước sông cái Nha Trang tỉnh Khánh Hòa	2014	Thạc sĩ	
26	Nguyễn Văn Thiệu	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Inspector vào công tác thanh/kiểm tra môi trường ở tỉnh Quảng Trị	2014	Thạc sĩ	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Một số ứng dụng của lý thuyết trò chơi vào quản lý tài nguyên nước	2014	Thạc sĩ	
28	Tạ Thanh Lan	Ứng dụng GIS và phần mềm PCSWMM mô phỏng khả năng thoát nước đô thị-Lưu vực nghiên cứu: một phần quận 8- Thành phố Hồ Chí Minh	2014	Thạc sĩ	
29	Đinh Ngọc Quỳnh Trâm	Ứng dụng phần mềm CLIM đánh giá khả năng chịu tải của sông Hậu đoạn chảy qua thành phố Long Xuyên, An Giang	2014	Đại học	

30	Nguyễn Phạm Huyền Linh	Áp dụng công cụ tin học WQUIZ đánh giá sự thay đổi phân vùng chất lượng nước mặt tỉnh Bình Dương	2014	Thạc sĩ	
31	Ngô Văn Hùng	Ứng dụng GIS xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước theo phương pháp chỉ số chất lượng nước tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	2014	Thạc sĩ	
32	Hồ Thanh Danh	Đánh giá tài nguyên gió tỉnh Ninh Thuận và đề xuất các giải pháp phát triển phong điện	2014	Thạc sĩ	
33	Hoàng Thị Huyền Trang	Đánh giá ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến an ninh sinh kế cộng đồng dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk	2014	Thạc sĩ	
34	Nguyễn Nhật Thiên Thanh	Xây dựng mô hình thống kê dự báo chất lượng không khí	2015	Thạc sĩ	
35	Trần Anh Dũng	Phát triển mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm bụi cho điều kiện biên hỗn hợp	2015	Thạc sĩ	
36	Trần Thị Thùy Dương	Ứng dụng phần mềm Mike21 để đánh giá hiện trạng và dự báo chất lượng nước lưu vực sông Cái Nha Trang	2015	Đại học	
37	Nguyễn Thị Lan Anh	Ứng dụng phần mềm AERMOD mô phỏng và đánh giá ô nhiễm không khí nhà máy gang thép Formosa Hà Tĩnh	2015	Đại học	
38	Nguyễn Châu Mỹ Duyên	Xây dựng mô hình Webgis ứng dụng để đánh giá hiện trạng tài nguyên nước tỉnh An Giang	2015	Đại học	
39	Nguyễn Đức Phương	Xây dựng chỉ số an ninh sinh kế bền vững (SLSI) phục vụ đánh giá mức độ	2015	Thạc sĩ	

		phát triển bền vững tại tỉnh Quảng Trị			
40	Nguyễn Thị Thân Quý	Đánh giá hiện trạng, mô phỏng chất lượng nước sông Bàn Thạch, Tam Kỳ, Quảng Nam	2015	Thạc sĩ	
41	Kiều Thị Hòa	Ứng dụng mô hình SWAT đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên dòng chảy lưu vực sông Vu Gia, tỉnh Quảng Nam	2015	Thạc sĩ	
42	Chu Thị Hằng	Phát triển hệ thống thông tin tính toán sự lắng đọng ô nhiễm bụi trong điều kiện phân tầng của khí quyển	2016	Đại học	
43	Trần Hải Yến	Đánh giá khả năng chịu tải của kênh lấp vò, đồng tháp bằng phần mềm clim	2016	Đại học	
44	Quan Dân Hạnh	Phát triển hệ thống thông tin tính toán sự lắng đọng ô nhiễm bụi trong điều kiện phân tầng của khí quyển đến hồ Dầu Tiếng	2016	Đại học	
45	Nguyễn Thị Diễm	Nghiên cứu đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng chất lượng nước mặt sông ba đoạn qua tỉnh Phú Yên	2016	Thạc sĩ	
46	Chu Thị Hằng	Phát triển hệ thống thông tin tính toán sự lắng đọng ô nhiễm bụi trong điều kiện phân tầng của khí quyển	2016	Thạc sĩ	
47	Phùng Quốc Tâm	Bước đầu ứng dụng mô hình phân chia lợi ích trong khai thác lưu vực sông Sài Gòn	2016	Thạc sĩ	
48	Quan Dân Hạnh	Ứng dụng mô hình Swat đánh giá ảnh hưởng thay đổi sử dụng đất đến lưu lượng nước hồ Dầu Tiếng	2016	Thạc sĩ	

49	Trần Anh Dũng	Phát triển mô hình tính toán ô nhiễm bụi cho điều kiện biên hỗn hợp	2016	Thạc sĩ	
50	Hồ Thị Phi Khanh	Ứng dụng mô hình phân chia lợi ích để quản lý ô nhiễm nguồn nước mặt – trường hợp lưu vực sông Sài Gòn	2017	Thạc sĩ	
51	Hồ Thị Phi Khanh	Ứng dụng mô hình phân chia lợi ích phục vụ công tác quản lý ô nhiễm nguồn nước mặt- trường hợp lưu vực sông Sài Gòn	2017	Thạc sĩ	
52	Trần Thị Thu Thảo	Ứng dụng mô hình Mike 11 và đánh giá tổn hại về kinh tế so xâm nhập mặn tại sông Đồng Nai đến nhà máy nước Thủ Đức	2018	Thạc sĩ	
53	Võ Thị Tâm Minh	Ứng dụng mô hình wrf xây dựng bộ dữ liệu khí tượng phục vụ mô phỏng chất lượng không khí tại thành Phố Hồ Chí Minh	2018	Thạc sĩ	
54	Mai Thị Thanh Nga	Ứng dụng mô hình aermod giám sát chất lượng TSP đối với quá trình xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành.	2018	Thạc sĩ	
55	Trần Thị Thu Thảo	Ứng dụng mô hình mike 11 và đánh giá ảnh hưởng về kinh tế do xâm nhập mặn tại sông đồng nai cho nhà máy nước Thủ Đức	2018	Thạc sĩ	
56	Nguyễn Lan Anh	Mô phỏng lan truyền nhiệt độ vùng ven biển - mô hình toán và tin học	2018	Thạc sĩ	
57	Phan Thị Danh	Ứng dụng mô hình MIKE 11 đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị dưới tác động của biến đổi khí hậu	2018	Thạc sĩ	

58	Mai Thị Thanh Nga	Ứng dụng mô hình Aermod giám sát chất lượng TSP đối với quá trình xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành	2018	Thạc sĩ	
59	Võ Thị Tâm Minh	Ứng dụng mô hình WRF xây dựng bộ dữ liệu khí tượng phục vụ mô phỏng chất lượng không khí tại TPHCM	2018	Thạc sĩ	
60	Huỳnh Thụy Diễm Thúy	Đánh giá khả năng chịu tải của sông Vàm Cỏ Đông trên địa bàn tỉnh Long An		Thạc sĩ	
61	Huỳnh Xuân Anh	Đánh giá tải lượng phát thải khí Metan từ bãi chôn lấp Phước Hiệp, Củ Chi		Thạc sĩ	
62	Bùi Hồng Nhật Linh	Nguyên nhân bồi xói và các yếu tố tác động gây sạt lở cửa sông Gành Hào Bạc Liêu – Cà Mau		Thạc sĩ	
63	Nguyễn Châu Mỹ Duyên	Đánh giá hiện trạng và dự báo ô nhiễm bụi PM10 tại khu vực TPHCM bằng công cụ tích hợp WRF/CMAQ		Thạc sĩ	
64	Huỳnh Tiến Đạt			Tiến sĩ	
65	Nguyễn Lê Mai An	Ứng dụng chỉ số WQI để đánh giá chất lượng nước lưu vực sông SEREPOK tại tỉnh Đắk Lắk dưới tác động của BĐKH		Thạc sĩ	
66	Hoàng Thùy Dương	Xây dựng chỉ số an ninh năng lượng tác động đến biến đổi khí hậu áp dụng cho VN		Thạc sĩ	
67	Hoàng Ngọc Túy	Giải số bài toán dòng chảy và lan truyền chất ô nhiễm trên mạng lưới kênh sông.		Thạc sĩ	
68	Trương Thị Minh Hạnh	Xây dựng mô hình giải quyết kiến nghị, phản ánh về môi trường trên nền		Thạc sĩ	

		tăng ứng dụng công nghệ thông tin tại quận 10 TPHCM			
69	Nguyễn Ngọc Phương	Lượng giá thiệt hại đối với sức khỏe con người do ô nhiễm bụi từ hoạt động khai thác đá tại huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương		Thạc sĩ	
70	Đặng Thị Ly Ly	Sử dụng ảnh viễn thám lập bản đồ ngập lụt làm cơ sở cho công tác ứng phó thiên tai lấy Quảng Nam làm ví dụ nghiên cứu		Thạc sĩ	
71	HỒ NGUYỄN CÚC PHƯƠNG	Xây dựng mô hình tìm kiếm không gian đa mục tiêu		Tiến sĩ	
72	Nguyễn Đức Lộc	Một số ứng dụng lý thuyết tối ưu vào bài toán kiểm soát ô nhiễm nước mặt		Thạc sĩ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách phục vụ đào tạo đại học, sau đại học (Chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo)

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/Đồng tác giả</i>
-----------	-----------------	----------------------------------	---------------------	---------------------	-----------------------------

1.2 Sách xuất bản trong nước

<i>TT</i>	<i>Tên sách</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Nhà xuất bản</i>	<i>Năm xuất bản</i>	<i>Tác giả/Đồng tác giả</i>
1	Mô hình hóa môi trường		Đại Học Quốc Gia Tp. HCM	2008	Tác giả
2	Bài tập Mô hình hóa môi trường		Đại Học Quốc Gia Tp.HCM	2015	Tác giả
3	Sách giáo khoa Mô hình hóa môi trường		Đại Học Quốc Gia Tp.HCM	2015	Tác giả
4	Bài tập Mô hình hóa môi trường		Đại Học Quốc Gia Tp.HCM	2015	Tác giả

2. Các bài báo

2.1 Đăng trên tạp chí Quốc tế

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Thuộc</i>	<i>Điểm IF</i>
1	Bui Ta Long, Inverse algorithm for Streeter–Phelps equation in water pollution control problem, Mathematics and Computers in Simulation, Volume 171, 119 - 126, 2020		0378-4754	Scopus: Book series	1.62
2	Long Ta Bui, Integrated model for methane emission and dispersion assessment from landfills: A case study of Ho Chi Minh City, Vietnam, Science of The Total Environment , 738, 139865, 2020	B2019-20B-01	0048-9697	Scopus: Book series	5.589
3	Diep Thi My Le, Long Ta Bui, Application of Mike/Swat for simulation the salt intrusion – a case study in Ve river, Quang Ngai province, Lowland Technology International , 22 (2), 258-267, 2020		1344-9656	Scopus: Book series	0.2
4	Long Ta Bui, Modelling bank erosion dependence on natural and anthropogenic factors — case study of Ganh Hao estuary, Bac Lieu - Ca Mau, Vietnam, Environmental Technology & Innovation, 19, , 2020		2352-1864	Scopus: Book series	2.8
5	Long Ta Bui, Phong Hoang Nguyen, Duyen Chau My Nguyen, Model for assessing health damage from air pollution in quarrying area – Case study at Tan Uyen quarry, Ho Chi Minh megapolis, Vietnam, Heliyon, 6, e05045, 2020		2405-8440	Scopus: Book series	1.65

6	Bùi Tá Long, Inverse algorithm for Streeter – Phelps equation in water pollution control problem, Mathematics and Computers in Simulation, 2019.12.005, , 2020		03784754		
7	Bùi Tá Long, Impact of climate changes on the livelihood security of minority groups in Daklak province, Vietnam, Southeast Asian Journal of Sciences, Vol 3, No 2, 105-119, 2015		2286-7724		
8	Bùi Tá Long, Air quality assessment and air pollution zoning of Hanoi using air quality index, Asian Environmental Technology, ISSN 0963 7362, trang 4-6, 2014				
9	Bùi Tá Long, Building information system serving adaption, migration and impact assessment the climate change for national level, Internatinal symposium on geoinformatics for spatial-Infrastructure development in earth and allied science GIS-IDEAL 2014, GIS-IDEAL 2014, 337-343, 2014	BĐKH/15			
10	Bùi Tá Long, Ứng dụng viễn thám và mô hình đánh giá tác động của việc sử dụng đất và biến đổi khí hậu đến dòng chảy sông Srepok, Việt Nam, Hội nghị Indonesia-Hiệp hội viễn thám châu Á, , SC09-152-SC-159, 2013				
11	Bùi Tá Long, Ứng dụng GIS và mô hình trong việc đánh giá tác động ô nhiễm môi trường do bụi tại khu vực khai thác đá tập trung, Hội nghị Indonesia-Hiệp				

	hội viên thám châu Á, , SC09-144-SC-151, 2013				
12	Bùi Tá Long, Initial application of benefit sharing model in river basin – application in Dong Nairiver basin., Proceedings of the International Conference on “ Ecological security: Climate change and socio-economicpolicy development implications in the GMS” Chiang Rai – Thailand on October10 – 11 2011, , 143 – 151, 2011				
13	Bùi Tá Long, Economic assessment of damages for thu duc water plant due to polluted dong nai river., Proceedings of International Conference for Environment and Natural Resources. Theme: “Environmental Protection for Urban and Industrial Zones in adaptation to Climate Change, , 318 - 323, 2010				
14	Bùi Tá Long, Evaluating and forecasting flooding in ho chi minh city using mike flood model, Proceedings of International Symposium on Geoinformatics for Spatial Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences 2010, , 299 – 304, 2010				
15	Буй Та Лонг, Потапов И.И. Экспертная система для экологического мониторинга зоны эстуария , Экологические системы и приборы, №1, 32-37, 2002				
16	Буй Та Лонг, Потапов, И.И. Методика создания баз данных характеристик				

	<p>пространственно-распределенных объектов на основе геоинформационных технологий. , сроблемы окружающей среды и природ. ресурсов, 5, , 2002</p>				
17	<p>Vũ Tá Long, Вопросы синтеза системы экологического мониторинга (СЭМ) морской среды в зоне газо-конденсатного месторождения (ГКМ), Научные и технические аспекты охраны окружающей среды, выпуск , выпуск 1, 2 – 10, 1998</p>				
18	<p>Буй Та Лонг, Технология имитационного моделироваия в системах геоинформационного мониторинга мегаполисов, Проблемы окружающей среды и природных ресурсов, выпуск 2, стр 79 – 85, 1998</p>				
19	<p>Буй Та Лонг, . К оценке непротиворечивости информации в задачах дистанционного мониторинга окружающей среды. Проблемы окружающей среды и природных ресурсов, Проблемы окружающей среды и природных ресурсов, выпуск 2, 71-79, 1998</p>				
20	<p>Буй Та Лонг, Применение ГИМС —технологии для синтеза системы мониторинга загрязнения прибрежных вод Вьетнама, сроблемы окружающей среды и природ. ресурсов: обзор. информ, Ч 4, 42-52, 1998</p>				

21	Буй Та Лонг, Применение ГИМС технологии к организации мониторинга акватогеосистемы Арал— Каспий // , Проблемы окружающей среды и природ. ресурсов: Обзор. информ, — № 10, С. 46—62, 1996				
----	--	--	--	--	--

2.2 Đăng trên tạp chí trong nước

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Số hiệu ISSN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bùi Tá Long, Mô hình hóa ô nhiễm không khí trong điều kiện địa hình phức tạp - trường hợp nguồn thải điểm, Khí tượng Thủy văn, 700 (T4), 34 - 45, 2019			
2	Lê Thị Mỹ Diệp, Bùi Huỳnh Anh, Bùi Tá Long, Ứng dụng mô hình diễn toán SWAT/NAM/MIKE xây dựng bộ thông số thủy văn và thủy lực phục vụ cho tính toán dòng chảy – trường hợp sông Vệ, Quảng Ngãi, Khí tượng Thủy văn, 702, 1-12, 2019			
3	Bùi Tá Long, Nghiên cứu ứng dụng mô hình hoá tính toán ô nhiễm không khí cho nguồn thải đường và thể tích – trường hợp áp dụng tại mỏ khai thác đá tỉnh Bình Dương, Khí tượng Thủy văn, 703, 1-15, 2019			
4	Bùi Tá Long, Mô phỏng lan truyền nhiệt bằng mô hình toán ba chiều – trường hợp nhà máy nhiệt điện tại vùng biển Đê - Gi, Bình Định, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Kỹ thuật và Công nghệ, 2(2), 122 - 129, 2019			
5	Bùi Tá Long, Chi tiết hóa thống kê kịch bản BĐKH cho lưu vực Srepok, cao nguyên Việt Nam bằng			

	công cụ SDSM, Tạp chí khí tượng thủy văn, Số 669, T9/2016, trang 6-14, 2016			
6	Bùi Tá Long, Xây dựng chỉ số an ninh sinh kế bền vững (SLSI) phục vụ đánh giá mức độ phát triển bền vững tại tỉnh Bình Thuận, Khí tượng thủy văn, 655, 47-51, 2015		0866-8744	
7	Bùi Tá Long, Ứng dụng hàm Bassel tính toán phạm vi ô nhiễm không khí có lưu ý tới sự phân tầng của khí quyển, Phát triển khoa học & công nghệ, 18, 14-21, 2015		1859-0128	
8	Bùi Tá Long, Applying Swat model to assess impacts of climate change on the flow of Vu Gia River Basin, Quang Nam Province, Journal of Science and Technology, 53 (3A), , 2015			
9	Bùi Tá Long, Ứng dụng lý thuyết trò chơi hợp tác trong tiết kiệm chi phí khắc phục ô nhiễm, Tạp chí phát triển khoa học & công nghệ, 18, 34, 2015		1859-0128	
10	Bùi Tá Long, Xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước mặt-Trường hợp tỉnh Bình Dương, Tạp chí Khoa học công nghệ đăng tháng 9/2014 , 9/2014 , , 2014			
11	Bùi Tá Long, Đánh giá chất lượng môi trường không khí thành phố Hà Nội theo chỉ số chất lượng không khí, Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn 2 , 638, trang 43– 50, 2014			
12	Bùi Tá Long, Xây dựng mô hình tích hợp hỗ trợ đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Sài Gòn, Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn 9 , 621, 13-22, 2013			
13	Bùi Tá Long, Ứng dụng chỉ số an ninh sinh kế bền vững đánh giá sự phát triển bền vững tại Thành phố			

	Hồ Chí Minh, Tạp chí Khoa học và Công nghệ 50 , 4A, 1-8, 2013			
14	Bùi Tá Long, Ứng dụng mô hình diễn toán đánh giá tỷ lệ gây ô nhiễm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung., Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn 8 , 620, 6-13, 2013			
15	Bùi Tá Long, Ứng dụng Mike11 mô phỏng chất lượng nước sông Ba, Gia Lai theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội, Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn 4 , 628, 52 – 58, 2013			
16	Bùi Tá Long, Xác định khả năng tự làm sạch hệ thống kênh sông - lấy sông Sài Gòn làm ví dụ nghiên cứu, Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn 2 , 626, 1-9, 2013			
17	Bùi Tá Long, Xây dựng mô hình tích hợp hỗ trợ đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Sài Gòn, Khí Tượng Thủy Văn, 621, 13-22, 2012			
18	Bùi Tá Long, Ứng dụng mô hình diễn toán đánh giá tỷ lệ gây ô nhiễm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung, . Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn , 620, 6-13, 2012			
19	Bùi Tá Long, Ứng dụng chỉ số an ninh sinh kê bền vững đánh giá sự phát triển bền vững tại Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa học công nghệ, 50, trang 1 - 8, 2012			
20	Bùi Tá Long, Ứng dụng mô hình kinh tế - sinh thái quản lý nuôi trồng thủy sản theo định hướng phát triển bền vững, Khí Tượng Thủy Văn, 619, 16-23, 2012			
21	Bùi Tá Long, Ứng dụng mô hình Mike 11 đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Truồi Thừa Thiên			

	-Huế., Tạp chí Khí Tượng Thủy Văn 4, 616, 32-38, 2012			
22	Bùi Tá Long, Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ công tác ứng phó lũ lụt tại Quảng Nam dựa trên công nghệ WEBGIS., Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2011, , 213 - 222, 2012			
23	Bùi Tá Long, Phương pháp tính toán thiệt hại về kinh tế - môi trường đối với một lưu vực sông bị ô nhiễm – trường hợp điển hình: lưu vực sông Thị Vải., Tạp chí phát triển khoa học – công nghệ, Tập 15, 5- 15, 2011			
24	Bùi Tá Long, Phương pháp tính toán thiệt hại về kinh tế - môi trường đối với một lưu vực sông bị ô nhiễm – trường hợp điển hình: lưu vực sông Thị Vải, i. Tạp chí phát triển khoa học – công nghệ , tập 14, số M1, trang 5- 15, 2011			
25	Bùi Tá Long, Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và chia sẻ thông tin chất lượng môi trường nước – lấy lưu vực hệ thống sông Đồng Nai làm ví dụ nghiên cứu, . Tạp chí phát triển khoa học – công nghệ , tập 14, số M1, trang 17- 28., 2011			
26	Bùi Tá Long, Kết hợp phần mềm Mike và mô hình kinh tế môi trường đánh giá thiệt hại do dầu tràn trên vùng biển Việt Nam , Tạp chí Khí tượng thủy văn 603, 03, 31-41., 2011			
27	Bùi Tá Long, Mô phỏng ô nhiễm không khí từ nguồn thải công nghiệp tại khu vực có địa hình đồi núi., Kỷ yếu Hội nghị môi trường toàn quốc lần thứ 3. Hà Nội, , 314 – 322., 2010			
28	Bùi Tá Long, Xây dựng mô hình giám sát chất lượng không khí cho			

	các nhà máy công nghiệp – nhà máy xi măng Luks Thừa Thiên Huế làm ví dụ nghiên cứu., Tạp chí Khí tượng Thủy văn 9 , 573, 35-44, 2008			
29	Bùi Tá Long, Xây dựng công cụ tích hợp đánh giá ô nhiễm không khí từ các nguồn điểm tại các khu công nghiệp, Tạp chí Khí tượng Thủy Văn, 561, trang 21-27, 2007			
30	Bùi Tá Long, Xây dựng công cụ tin học hỗ trợ đánh giá chất lượng nước bằng phương pháp chỉ thị sinh học, Tạp chí Khí tượng Thủy văn , N 10 (538), trang 34 – 41, 2005			
31	Bùi Tá Long, Ứng dụng GIS trợ giúp công tác quản lý chất thải rắn tại các đô thị, thành phố Việt Nam, Tạp chí khí tượng thủy văn, số 557, trang 34- 43, 2005			
32	Bùi Tá Long, Ứng dụng tin học môi trường phân tích ô nhiễm môi trường khu công nghiệp Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng, Tạp chí Khí tượng Thủy văn, N 11 (527), trang 12 – 24, 2004			
33	Bùi Tá Long, Xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác giám sát chất lượng môi trường cho các tỉnh thành Việt Nam. , Tạp chí Khí tượng Thủy văn., N 1 (517), trang 10 – 19, 2004			
34	Búi Tá Long, Xây dựng hệ thống thông tin môi trường hỗ trợ thông qua quyết định môi trường cấp tỉnh thành, Tạp chí Khí tượng – Thủy văn , số 5 (533), trang 31 – 40, 2004			
35	Bùi Tá Long, Xây dựng công cụ tích hợp trợ giúp công tác giám sát ô nhiễm không khí vùng kinh tế trọng điểm, Tạp chí Khí tượng			

	Thủy văn, N 10 (514), , trang 29 – 36. , 2003			
--	---	--	--	--

2.3 Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Thuộc</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bui Ta Long, The Dispersion Model And Inverse Problems for Air Pollution Modeling, The International Symposium on Applied Science 2019, 2019, Ho Chi Minh City()				
2	Bui Ta Long, Envimap – the integrated model for health damage assessment due to air pollution in Hochiminh City, Vietnam, ABaCAS conference, 2019, Hangzhou()				
3	Bui Ta Long, Bui Huynh Anh, Application of Mike11 and remote sensing in simulating flood – a case study in Tra Khuc river, Quang Ngai province, Vietnam, WRE conference, 2019, Macau()				
4	Bui Ta Long, Application Of Remote Sensing And Modelling To Assess Shoreline Change And River Bed Level Change Under The Pressure Of Sand Mining Activities – A Case Study In Krong No River, Dak Nong Province, Proceedings of ACRS 2019, 2019, Seoul()				
5	Bui Ta Long, Spatial Mapping Of Agricultural Green House Gas Emission For Implementing Paris Agreement On Climate Change In Vietnam, Proceedings of ACRS 2019, 2019, Seoul()				

6	Bui Ta Long, Model for assessing health damage from air pollution in quarrying area - a case study at Tan Uyen quarry, Ho Chi Minh megapolis, Vietnam, Mahidol University and Chiang Mai University, 2019, Bangkok()				
7	Bui Ta Long, Modeling the Landslide and Bank Erosion Dependence on Natural & Human Impact Factors - Case of Ganh Hao Estuary, Bac Lieu - Ca Mau, Vietnam, Green Technologies for Sustainable Water – GTSW 2019, 2019, Ho Chi Minh City()				
8	Bui Ta Long, Ho Thi Phi Khanh, Vuong Thi Ai Thuy, Environmental capacity assessment for Amoni and TSS in Dung Quat Bay, Viet Nam, WRE conference, 2019, Macau()				
9	Bui Ta Long, Integrated model for greenhouse gas emission and dispersion assesement from landfill - a case study: Hochiminh City, Vietnam, International Conference on Urban Health, 2019, Xiamen()				
10	Bùi Tá Long, Application of satellite images Landsat 8 for interpretation of pm 10 distribution in Urban part Ho Chi Minh City., Hội nghị Viễn thám châu Á lần thứ 39 (ACRS 2018). , 2018, Luala Lumper()				
11	Bùi Tá Long, Calculating green house gas emissions (CH4, N2O, CO2) released from agriculture – a case study in Dong Thap Province, Hội nghị				

	Viễn thám châu Á lần thứ 39 (ACRS 2018). Luala Lumper, 2018, Luala Lumper()				
12	Bùi Tá Long, Application of remote sensing technology to establish the flood map of Quang Ngai Province, HỘI THẢO QUỐC TẾ GIS-IDEAS 2018, 2018, Cần Thơ()				
13	Bui Ta Long, The Dispersion Model and Inverse problems in the protection of Atmospheric Environment, International Conference in Mathematics and Applications, 2016, 2016, BangKok()				
14	Bui Ta Long, Ứng dụng mô hình SWAT đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu đến dòng chảy lưu vực sông Srepok, tỉnh Đắk Lắk, Hiệp Hội Viễn thám Châu Á, 2016, Srilanka()				
15	Bùi Tá Long, Sự thay đổi chất lượng nước tại lưu vực sông Bung, Quảng Nam sau khi xây dựng đập, Hiệp Hội viễn thám châu Á lần thứ 36, 2015, Manila()				
16	Bùi Tá Long, Pollution evaluation in streams using water quality indices – a case study from Sai Gon basin. , International symposium on Geoinformatics for Spatial – Infrastructure development in earth and allied sciences GIS – IDEAS, 2012, Hồ Chí Minh()				
17	Bùi Tá Long, Initial application of benefit sharing model in river basin – application in Dong Nairiver basinx., Proceedings of the International Conference on "				

Ecological security: Climate change and socio-economic policy development implications in the GMS" , 2011, 2011()				
---	--	--	--	--

2.4 Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Số hiệu ISBN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Bùi Tá Long, Đánh giá chỉ tiêu ô nhiễm Coliform, Amoni bằng mô hình MIKE21 - trường hợp Vịnh Nha Trang, Khánh Hòa, Hội nghị khoa học lần thứ XI năm 2018 - Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM, 2018, Hồ Chí Minh()			
2	Bùi Tá Long, Xác định những rào cản và đề ra giải pháp hợp tác chia sẻ lợi ích giữa các bên tham gia xả thải trên lưu vực sông – trường hợp sông Sài Gòn, Hội nghị Khoa Học Công Nghệ 2018 - Ngày Hội Sáng Tạo HUTECH, 2018, Hồ Chí Minh()			
3	Bùi Tá Long, Ứng dụng WRF và AERMOD đánh giá phạm vi, mức độ lan truyền ch4 tại bãi chôn lấp Phước Hiệp, tp. hồ chí minh., Hội nghị khoa học lần thứ XI năm 2018 - Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM. , 2018, Hồ Chí Minh()			
4	Bùi Tá Long, Salt intrusion modelling and prediction using MIKE - SWAT - GIS tools: case of the ve river estuary, Quang Ngai, International Symposium on Lowland Technology (ISLT 2018), 2018, Hà Nội()			
5	Bùi Tá Long, Xác định rào cản và xây dựng giải pháp đồng bộ khi thực hiện đánh giá tác động môi trường cho những dự án nhạy cảm về môi			

	trường – trường hợp thủy điện Đrăng Phôk, Hội nghị khoa học và công nghệ trẻ Bách Khoa năm 2017, 2017, Hồ Chí Minh()			
6	Bùi Tá Long, Ứng dụng phần mềm ModelMaker mô phỏng sự phát tán bệnh lao trong nhóm dân số nhiễm HIV, 15th Conference on Science and technology , 2017, Hồ Chí Minh()			
7	Bùi Tá Long, Kết hợp phần mềm MIKE và mô hình kinh tế môi trường đánh giá thiệt hại tràn dầu trên vùng biển Việt Nam, Giải pháp và phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Quảng Ngãi trong những năm tới, 2017, Quảng Ngãi()			
8	Bùi Tá Long, Evaluating the scope and the level of the economical damage caused by the oil spill incident – the cause study: Dung Quat bay Quang Ngai province, University of Technology, 2017, Hồ Chí Minh()			
9	Bùi Tá Long, Temperature spreading simulation by using 3D model – Thermal power plant in the coastal Degi, Bình as a case study, 15th Conference on Science and technology , 2017, Hồ Chí Minh()			
10	Bùi Tá Long, Building the information system for Evaluating, Adapting and Minimizing The Impact of Climate Change to Phu Yen Province, Hochiminh city University of Technology, University of Technology, 2017, Hồ Chí Minh()			
11	Bùi Tá Long, Xây dựng phần mềm Quảng bá du lịch sinh thái – Trường hợp áp dụng tỉnh Quảng Ngãi, Giải pháp và phát triển Kinh tế - Xã hội			

	tỉnh Quảng Ngãi trong những năm tới, 2017, Quảng Ngãi()			
12	Bùi Tá Long, Chi tiết hóa thông kê kịch bản BĐKH cho lưu vực Srepok, cao nguyên Việt Nam bằng công cụ SDSM, Gis 2016 Conference Proceedings, 2016, Huế()			
13	Bùi Tá Long, Ứng dụng WebGis trong quản lý môi trường cấp huyện, thị xã (trường hợp thị xã Điện Bàn), Quảng Nam , Gis 2016 Conference Proceedings, 2016, Huế()			
14	Bùi Tá Long, Mô phỏng ô nhiễm giao thông tại khu vực Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM bằng công cụ AERMOD và ARCGIS, Gis 2016 Conference Proceedings, 2016, Huế()			
15	Bùi Tá Long, Ứng dụng lý thuyết trò chơi hợp tác chia sẻ chi phí xử lý nước thải - Trường hợp lưu vực sông Đồng Nai, Hội nghị khoa học và Công nghệ toàn quốc 2016, 2016, TP.HCM()			
16	Bùi Tá Long, Xây dựng mô hình phân chia lợi ích trong khai thác lưu vực sông-Xét trường hợp lưu vực sông Sài Gòn, The third Scientific Conference Effective Management of Natural Resources and Environment for Green Growth, 2016, TP.HCM()			
17	Bùi Tá Long, Đánh giá sự thay đổi tài nguyên môi trường nước mặt vùng duyên hải miền Trung do tác động của Biến đổi khí hậu.Trường hợp tỉnh Quảng Ngãi, The third Scientific Conference Effective Management of Natural Resources and Environment for Green Growth, 2016, TP.HCM()			

18	Bui Ta Long, Application of Swat model to assess the impacts of Land use changes on Dau Tieng Reservoir Discharge, Proceeding of the ESASGD 2016, 2016, Hà Nội()			
19	Bùi Tá Long, Phát triển công cụ tự động hóa tính toán số lan truyền ô nhiễm trên kênh sông, Hội nghị khoa học và Công nghệ toàn quốc 2016, 2016, TP.HCM()			
20	Bùi Tá Long, Xây dựng mô hình Webgis quản lý tài nguyên và môi trường nước vùng tứ giác Long Xuyên, Ứng dụng GIS toàn quốc 2015, 2015, Hà Nội()			
21	Bùi Tá Long, Đánh giá ô nhiễm không khí nhà máy gang thép Formosa Hà Tĩnh bằng mô hình AERMOD, Hội nghị môi trường toàn quốc, 2015, Hồ Chí Minh()			
22	Bùi Tá Long, Lý thuyết trò chơi hợp tác và ứng dụng giải quyết bài toán tiết kiệm chi phí xử lý ô nhiễm, Hội nghị Khoa học máy tính và kỹ thuật lần thứ 2, 2014, HCM()			
23	Bùi Tá Long, Đánh giá chất lượng môi trường không khí thành phố Hà Nội theo chỉ số chất lượng không khí, Hội nghị khoa học công nghệ lần thứ 13, 2014, HCM()			
24	Bùi Tá Long, Xây dựng phần mềm đánh giá khả năng chịu tải của kênh sông, Kỷ yếu Hội nghị khoa học Viện Cơ học và tin học ứng dụng, 2014, HCM()			
25	Bùi Tá Long, Mô hình toán và tin học đánh giá sự khuếch tán và lắng đọng khô trong khí quyển, Hội nghị khoa học công nghệ lần thứ 13, 2013, HCM()			
26	Bùi Tá Long, Xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước mặt-Trường hợp tỉnh Bình Dương, Hội nghị			

	khoa học công nghệ lần thứ 13, 2013, HCM()			
27	Bùi Tá Long, Giải bài toán lan truyền chất bằng phương pháp thể tích hữu hạn và lưới phi cấu trúc, Hội nghị khoa học công nghệ lần thứ 13, 2013, HCM()			
28	Bùi Tá Long, Ứng dụng phương pháp thể tích hữu hạn trong bài toán môi trường, Hội nghị khoa học công nghệ lần thứ 13, 2013, HCM()			
29	Bùi Tá Long, Ứng dụng mô hình WasP xây dựng bản đồ tài nguyên năng lượng gió-Áp dụng cho tỉnh Ninh Thuận, Hội nghị quốc tế lần thứ 3 về năng lượng bền vững, 2013, HCM()			
30	Bùi Tá Long, Xây dựng phần mềm quảng bá du lịch sinh thái-Trường hợp áp dụng tỉnh Tây Ninh, Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc, 2013, HCM()			
31	Bùi Tá Long, Xây dựng phần mềm đánh giá chất lượng môi trường theo phương pháp chỉ số môi trường, Ứng dụng GIS toàn quốc, 2012, Hồ Chí Minh()			
32	Bùi Tá Long, Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ công tác ứng phó lũ lụt tại Quảng Nam dựa trên công nghệ WEBGIS, Ứng dụng GIS toàn quốc, 2011, Hồ Chí Minh()			

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

<i>TT</i>	<i>Tên giải thưởng</i>	<i>Nội dung giải thưởng</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Năm cấp</i>
1	Huy chương vàng Cuộc thi sáng tạo tại Matxcova (đồng tác giả với nhóm nghiên cứu thuộc Viện kỹ thuật vô tuyến	Chế tạo máy đo chất lượng môi trường dựa trên phương pháp quang học.	Russia –	1998

	và điện tử, Viện hàn lâm khoa học Nga).		
--	---	--	--

2. Bảng phát minh, sáng chế (patent)

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
-----------	-----------------	----------------------------------	----------------	----------------	----------------	------------------------------

3. Bảng giải pháp hữu ích

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
-----------	----------------------	----------------------------------	----------------	----------------	----------------	------------------------------

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/dự án</i>
-----------	---	---	------------------------	----------------------------------

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>
1	1991 –	Associate member of the Abdus Salam (Nobel prizier in Physics) International Centre for theoretical physics, Italy	Nghiên cứu viên
2	2001 –	The award of German Academic Exchange Service (DAAD) for research work in Germany	Nghiên cứu viên
3	2000 –	The award of Kosef (Korea)	Nghiên cứu viên
4	2000 –	The award of JSPS (Japanese Society for Promotion Science, Japan).	Nghiên cứu viên

2. Tham gia các Hiệp hội khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/Tạp chí/Hội nghị</i>	<i>Chức danh</i>
-----------	------------------	--------------------------------------	------------------

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>
-----------	------------------	---	--------------------------

Tp.HCM, ngày 24 tháng 8 năm 2021
Thủ trưởng Đơn vị
(*Họ tên, đóng dấu*)

Tp.HCM, ngày 24 tháng 8 năm 2021
Người khai
(*Họ tên và chữ ký*)

Bùi Tá Long